日本国政府 GOVERNMENT OF JAPAN

在留カード RESIDENCE CARD

番号 No. UH89978748QE

氏名 NAME TRAN QUANG THAI

生年月日 DATE OF BIRTH 1994年01月05日 性別 SEX 男 M 国籍・地域 NATIONALITY/REGION ベトナム

住居地 ADDRESS 岡山県浅口市鴨方町六条院中２７４８番地２ ニューシティ一雅１０２

在留資格 STATUS 特定技能１号 Specified Skilled Worker (i)

就労制限の有無 在留資格に基づく就労活動のみ可

在留期間（満了日） PERIOD OF STAY (DATE OF EXPIRATION) １年（２０２６年０４月０１日） Y M D

許可の種類 在留期間更新許可（広島出入国在留管理局長） MOJ

許可年月日 2025年02月25日 交付年月日 2025年02月25日

このカードは ２０２６年０４月０１日まで有効 です。 PERIOD OF VALIDITY OF THIS CARD

住居地記載欄

届出年月日	住居地	記載者印

資格外活動許可欄

在留期間更新等許可申請欄

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
TLSQ VIỆT NAM TẠI OSAKA
Consulate General of Vietnam in Osaka

Chữ ký người mang hộ chiếu / *Signature of bearer*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM*

HỘ CHIẾU *PASSPORT*

Loại / *Type* P

Mã số / *Code* VNM

Số hộ chiếu / *Passport No.* Q00430639

Họ / *Surname* TRẦN

Chữ đệm và tên / *Given names* QUANG THÁI

Quốc tịch / *Nationality* VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* 05/01/1994

Giới tính / *Sex* NAM/M

Nơi sinh / *Place of birth* Bình Thuận

Số ĐDCN, CMND / *ID No.*

Ngày cấp / *Date of issue* 03/04/2024

Ngày hết hạn / *Date of expiry* 03/04/2034

P<VNMTRAN<<QUANG<THAI<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
Q004306399VNM9401057M3404034<<<<<<<<<<<<<<<00